TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2025/HC-PT
Ngày: 28 -5 - 2025
V/v: "khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

- Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường và ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Tiến Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 464/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 03 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1306/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: A P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là quận T, thành phố H), có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N: bà Lê Thị Trà M và ông Nguyễn Hoài N1 – Luật sư; địa chỉ: Công ty L, 5 H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận T, thành phố H); Luật sự T có mặt; Luật sư Hoài N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

2- Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; (nay là Chủ tịch UBND quận T, thành phố H).

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Chủ tịch UBND quận T, thành phố H).

Cùng địa chỉ: B T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1936; địa chỉ: A P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là phường V, quận T, thành phố H).

3.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là quận T, thành phố H).

3.3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971; địa chỉ: A P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là phường V, quận T, thành phố H).

3.4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là quận T, thành phố H).

3.5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969; địa chỉ: N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế,(nay là quận T, thành phố H).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà* Nguyễn Thị G*, bà* Nguyễn Thị T1*, bà* Nguyễn Thị T2*, bà* Nguyễn Thị D*, ông* Nguyễn Văn V: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: A P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là phường V, quận T, thành phố H); có mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông* Nguyễn Văn N *trình bày:*

1.1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi:

Nguyên thửa đất số 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11 trước đây nằm trong thửa đất số 242, tờ bản đồ số 01, diện tích 1078m². Thửa đất này được gia đình ông N đăng ký kê khai qua các thời kỳ đo đạc của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế toàn bộ thửa đất từ trước cho đến nay, cụ thể như sau:

- Tại bản đồ 299 (đo đạc năm 1980) thể hiện thửa đất số 242, tờ bản đồ 01, diện tích 1078m², ông Nguyễn B đăng ký kê khai.

- Năm 1995: Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công trình tuyến cầu Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Khi nhà nước tiến hành dự án đầu tư này, thửa đất của gia đình ông N do ba ông đứng tên – ông Nguyễn Văn B đã bị thu hồi 283,45m² và đã được Nhà nước bồi thường về đất với tổng số tiền là 36.114.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, một trăm mười bốn nghìn đồng).

- Tại bản đồ 202 (do đạc năm 1997) thể hiện thửa đất số 23, tờ bản đồ 11, diện tích 825,1m², ông Nguyễn B đăng ký kê khai.

- Năm 1998: Bố của ông N là ông Nguyễn B có chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

+ Chuyển nhượng cho ông V – bà H diện tích đất 88,5m², được tách thành thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11.

+ Chuyển nhượng cho ông P – bà N2 diện tích 100m², được tách thành thửa 62, tờ bản đồ số 11.

+ Tổng diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng là 637m² .

- Năm 2003: Bố mẹ ông N làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đo đạc theo hiện trạng là 659m². Trong đó có 479m² nằm ngoài chỉ giới quy hoạch và 162m² nằm trong chỉ giới quy hoạch.

- Năm 2004: Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba mẹ ông N với diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 497m². Đối với phần diện tích 162m² thì không được cấp với lí do phần diện tích này nằm trong chỉ giới quy hoạch. Tuy nhiên, phần diện tích này vẫn được gia đình ông N trực tiếp quản lý sử dụng cho đến thời điểm bị thu hồi.

- Năm 2005: Ông Nguyễn B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn C diện tích 149m². Diện tích còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị G là 348m².

- Tại bản đồ Gis Huế (đo đạc năm 2006-2007) thì thửa đất số 242, tờ bản đồ số 01 nay đã được tách thành 4 thửa:

+ Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11, diện tích 108,9m² do ông V đứng tên, diện tích này có tăng 27,3m² so với thời điểm chuyển nhượng năm 1998.

+ Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11, diện tích 108,9m² do ông Hồ P đứng tên, diện tích này có tăng 8,9m² so với thời điểm chuyển nhượng năm 1998.

+ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, diện tích 200,5m² do ông Hồ Văn C đứng tên, diện tích này có tăng 51,5m² so với thời điểm chuyển nhượng năm 2005.

+ Thửa đất đất số 44, tờ bản đồ số 11, diện tích 411m² ông Nguyễn B đứng tên, diện tích này có tăng 63m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Năm 2009: ông Hồ Văn C chuyển nhượng toàn bộ diện tích 200,5m² cho ông Nguyễn Văn N. Cũng năm này, ba mẹ ông N tách thửa đất số 44, tờ bản đồ số 11, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 411m² như sau:

+ Tặng cho ông Nguyễn Văn N thửa đất số 44, tờ bản đồ số 11, diện tích 178m²;

+ Tặng cho ông V (anh trai của ông N) thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m²;

- Năm 2016, ông V tặng cho lại ông N thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m².

Hiện nay, thửa đất số 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11 do ông N đứng tên đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vẫn do gia đình N trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất bao gồm diện tích thu hồi là 188,92 thuộc lộ giới quy hoạch trên.

Đến năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố H tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục: Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V thành phố H và thu hồi của gia đình ông N là 188,9m² nhưng không bồi thường với lí do diện tích bị thu hồi không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thẩm tra, xác minh, Ủy ban nhân dân phường V có Công văn số 644/UBND-ĐC xác nhận nguồn gốc của toàn bộ diện tích 188,9m² bị thu hồi của gia đình như sau: *"Đối với phần đất ngoài giấy chứng nhận có nguồn gốc của cha mẹ ông N là ông, bà Nguyễn B – Nguyễn Thị G được làng X, xã T cũ cấp năm 1966. Tại bản đồ 299 thể hiện thửa đất số 242, tờ bản đồ 01, diện tích 1078m², người đăng ký sử dụng tên là B..."*.

Chính vì vậy, ông N cho rằng toàn bộ diện tích đất gia đình ông bị thu hồi là 188,9m hoàn toàn đủ điều kiện để được áp giá bồi thường khi thu hồi đất do đất có

nguồn gốc rõ ràng, thực hiện đăng ký kê khai qua các thời kỳ và do gia đình ông N tiếp tục quản lý sử dụng từ trước cho đến nay.

1.2. Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục: Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V thành phố H.

Năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H (sau đây gọi tắt là Quyết định số 7409/QĐ-UBND). Hạng mục: Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V thành phố H thu hồi 188,9m² thuộc đất thửa đất số 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11 do gia đình ông N đang quản lý sử dụng và kết luận đất không đủ điều kiện bồi thường do phần đất thu hồi không nằm trong Giấy chứng nhận đã được cấp. Cụ thể như sau (Căn cứ theo Công văn số 3803/TTPTQĐ-GPMB ngày 24/10/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H v/v trả lời ý kiến của ông Nguyễn Văn N3):

+ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11 tổng diện tích là 238,5m², diện tích thu hồi 64,9m², kết quả thẩm định: không bồi thường về đất diện tích 64,9m²;

+ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 11 tổng diện tích là 248,5m², diện tích thu hồi 69,6m², kết quả thẩm định: không bồi thường về đất diện tích 69,6m²;

+ Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11 tổng diện tích là 228,57m², diện tích thu hồi 54,4m², kết quả thẩm định: không bồi thường về đất diện tích 54,4m².

Sau đó, ông N đã khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố H về việc không bồi thường về đất với diện tích 188,9m² thu hồi của gia đình ông N.

1.3. Qúa trình khiếu nại Quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Ngày 18/09/2023 ông N có gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố H để khiếu nại Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản khác gắn liền với đất để thực hiện dự án cải thiện môi trường nước, hạng mục: Thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, thành phố H về việc không bồi thường về đất với diện tích 188,9m².

Ngày 17/01/2024 Ủy ban nhân dân thành phố H có thông báo số 21/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông N.

Ngày 02/02/2024, Phòng T4 mời ông N đến làm việc để xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 14/3/2024, Ủy ban nhân dân thành phố H đã tổ chức buổi đối thoại với ông N. Tại buổi làm việc này ông N không rút đơn khiếu nại và vẫn giữ nguyên nội dung khiếu nại.

Ngày 15/3/2024, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 1505/QĐ-CTUB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (sau đây gọi tắc là Quyết định số 1505/QĐ-CTUB) với quyết định không công nhận nội dung khiếu nại của ông N.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi diện tích đất của ông N mà không bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho gia đình ông N là không đúng quy định của pháp luật. Do đó ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ bỏ một phần Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục: Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V thành phố H liên quan đến thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Văn N;

- Yêu cầu Toà án huỷ bỏ Quyết định số 1505/QĐ-CTUB ngày 15/03/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu). Trên cơ sở đó, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H áp giá đền bù đối với đối với diện tích đất 188,9m² bị thu hồi của gia đình ông N theo đúng quy định của pháp luật.

[2] *Tại văn bản số 6247/UBND-KNTC ngày 05/7/2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông* Nguyễn Việt B1 *trình bày:*

Thửa đất của ông Nguyễn Văn N bị thu hồi với tổng diện tích 188,9m^2 , tại các thửa đất số 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11, thuộc dự án cải thiện môi trường nước, hạng mục: Thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, V, tp H:

2.1. Về quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

2.1.1. Nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà đất của ông Nguyễn Văn N:

Căn cứ Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường V xác nhận và công văn số 644/UBND- ĐC của Ủy ban nhân dân phường V. Nguồn gốc đất do làng X cấp cho ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G năm 1966. Năm 2004 ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận thửa 28 tờ bản đồ số 11 diện tích 497m² đất ở + đất vườn. Đến năm 2005 tách thửa thành các thửa 44, 45, 68 tờ 11, trong đó ông, bà Nguyễn B – Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông, bà Hồ Văn C - Nguyễn Thị T3 thửa 45 tờ 11 diện tích 149m2, năm 2009 chuyển nhượng lại cho ông, bà Nguyễn Văn N - Võ Thị H1. Hai thửa còn lại là 44, 68 năm 2009 và năm 2016 ông Nguyễn Văn N được bố mẹ tặng cho. Phần diện tích đất thu hồi 188,9m² không thuộc các Giấy chứng nhận đã cấp thuộc lộ giới đường Phạm Văn Đồng (căn cứ Quyết định số 214/1998/QĐ-UBND ngày 13/02/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q chi tiết khu dân cư N, thành phố H).

2.1.2. Quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Công văn số 2459/TTPTQĐ-GPMB ngày 20/7/2023, căn cứ xác nhận nguồn gốc nhà đất của Ủy ban nhân dân phường tại tờ khai nguồn gốc sử dụng đất và tại Công văn số 644/UBND-ĐC ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường V.

Ngày 26/7/2023 Phòng T4 có Công văn số 2047/PTN&MT về việc thông báo kết quả thẩm định về đất. Trong đó ông Nguyễn Văn N - Võ Thị Hàng không đủ điều kiện bồi thường về diện tích đất là 188.9m²

Ngày 11/8/2023 Trung tâm Phát triển Quỹ đất có Tờ trình số 276/TTr- TTPTQĐ về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục: Hệ

thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ - phường P, phường V - thành phố H. Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H và các hồ sơ kèm theo, Phòng T4 đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023; trong đó: ông, bà Nguyễn Văn N - Võ Thị Hàng không được bồi thường diện tích 188.9m².

Do không đồng ý Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, ông Nguyễn Văn N đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố H để khiếu nại.

2.1.3. Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn N:

Ngày 02/02/2024, Phòng T4 mời ông Nguyễn Văn N đến làm việc để xác minh nội dung khiếu nại. Tại buổi làm việc, đại diện Phòng T4 đã giải thích các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên nội dung khiếu nại với nội dung như sau:

Khiếu nại Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, với nội dung: Đề nghị bồi thường hỗ trợ về đất của chúng tôi khi nhà nước thu hồi đất.

2.1.4. Kết quả làm việc với Trung tâm P1, Ủy ban nhân dân phường V: Sau khi xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn N, Ngày 04/3/2023, Phòng T4 đã làm việc với Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố và Ủy ban nhân dân phường V để làm việc liên quan nội dung đơn khiếu nại, tại buổi làm việc các đơn vị liên quan có ý kiến:

Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường V: Liên quan về nguồn gốc sử dụng đất thửa đất thu hồi: Về nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân phường đã xác nhận cụ thể tại tờ khai nguồn gốc sử dụng đất và công văn số 644/UBND - ĐC ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân phường V. Nguồn gốc đất do làng X cấp cho ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G năm 1966. Năm 2004 ông bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận thửa 28 tờ bản đồ số 11 diện tích 497m² đất ở + đất vườn. Đến năm 2005 tách thửa thành các thửa 44, 45, 68 tờ 11, trong đó ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông, bà Hồ Văn C – Nguyễn Thị T3 thửa 45 tờ 11 diện tích 149m2, đến năm 2009 chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà Nguyễn Văn N - Võ Thị H1. Hai thửa còn lại là 44, 68 năm 2009 và năm 2016 ông Nguyễn Văn N được bố mẹ tặng cho. Phần diện tích đất thu hồi 188,9m2 không thuộc các Giấy chứng nhận đã cấp.

Ý kiến của Trung Tâm Phát triển Quỹ đất: Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân phường về nguồn gốc sử dụng đất, Trung tâm phát triển Quỹ đất đã trình Phòng tài nguyên thẩm định theo quy định.

2.2. Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố H: Liên quan nội đến khiếu nại của ông Nguyễn Văn N khiếu nại Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về bồi thường phần đất thu hồi diện tích 188.9m².

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Căn cứ Điều 02 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Căn cứ Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì việc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyền định số 7409/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H, Trong đó về bồi

thường, trường hợp ông Nguyễn Văn N - bà Võ Thị H1, không đủ điều kiện bồi thường về đất diện tích 188.9m² thuộc thửa đất thu hồi số 45, 68, 44 (thửa đất số 36+37+13) tờ bản đồ 11 là đúng quy định.

Như vậy việc ông Nguyễn Văn N khiếu nại Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị bồi thường phần diện tích 188.9m² là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Ngày 15/3/2024 Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1505/QĐ-CTUB về việc giải Quyết đơn khiếu nại của ông Nguyên Văn N4.

Từ các nội dung trên thì việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 và Quyết định số 1505/QĐ- CTUB về việc giải Quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn N là đúng quy định.

[3] *Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn V:* Các ông, bà đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ bỏ một phần Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H liên quan đến thu hồi đất của ông Nguyễn Văn N;

- Yêu cầu Toà án huỷ bỏ Quyết định số 1505/QĐ-CTUB ngày 15/03/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H áp giá đền bù đối với đối với diện tích đất 188,9m² bị thu hồi của gia đình ông N theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 74, Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 02 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về:

- Huỷ bỏ một phần Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục: Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V thành phố H liên quan đến thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Văn N.

- Huỷ bỏ Quyết định số 1505/QĐ-CTUB ngày 15/03/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H áp giá đền bù đối với đối với diện tích đất 188,9m² bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Văn N.

Về án phí: ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000166 ngày

25 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ.

[5] Kháng cáo:

Ngày 19-10-2024 ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[6] Tại phiên toà phúc thẩm:

Những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu càu khởi kiện.

Luật sư Lê Thị Trà M có ý kiến xét về nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng đất thì diện tích đất bị thu hồi có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đủ điều kiện bồi thường về đất.Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của người khởi kiện, người bị kiện thì các thửa đất bị thu hồi mang số thửa: 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11 có nguồn gốc là của ông Nguyễn B (Nguyễn Văn B) – và bà Nguyễn Thị G được làng X, xã T cũ cấp năm 1966. Thửa đất này được gia đình người khởi kiện đăng ký kê khai qua các thời kỳ đo đạc của Nhà nước, chấp hành nộp thuế đầy đủ, không lấn chiếm, không tranh chấp đất với những thửa đất liền kề. Cụ thể: Tại bản đồ 299 (đo đạc năm 1980) thể hiện thửa đất số 242, tờ bản đồ 01, diện tích 1078m^2, ông Nguyễn B đăng ký kê khai. Năm 2003: Ông B, bà G làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đo đạc theo bản vẽ hiện trạng là 659m^2.

Tuy nhiên, khi cấp Giấy chứng nhận thì nhà nước trừ phần đất nằm trong lộ giới đường Phạm Văn Đ ra – nay chính là phần đất có quyết định thu hồi và đang có tranh chấp. Mặc dù diện tích đất này bị trừ ra khỏi Giấy chứng nhận nhưng trên thực tế thì gia đình cụ B vẫn trực tiếp quản lý sử dụng và sau khi cụ B qua đời thì vợ và các con của cụ trong đó có anh Nguyễn Văn N là một trong các đồng thừa kế của cụ B tiếp tục sử dụng.

Diện tích đất bị thu hồi do gia đình cụ B, cụ G tạo lập từ trước năm 1975 và sử dụng ổn định, liên tục từ đó cho đến nay không có tranh chấp.Tại thời điểm thu hồi đất mặc dù thửa đất không phù hợp quy hoạch sử dụng đất nhưng đất này đã được sử dụng từ trước thời điểm công bố quy hoạch lộ giới đường Phạm Văn Đ. Diện tích đất bị thu hồi là đất vườn liền kề thửa đất ở; đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ gia đình cụ B, cụ G. Như vậy, diện tích đất này đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ ba, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện Hủy một phần Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H và áp giá đền bù đối với diện tích đất 188,9m^2 đất, thấy rằng:

Nguyên các thửa đất số 44, 45, 68, tờ bản đồ số 11 trước đây nằm trong thửa đất số 242, tờ bản đồ số 01, diện tích 1078m^2. Thửa đất này được gia đình ông N đăng ký kê khai qua các thời kỳ đo đạc của Nhà nước.

Nguồn gốc đất do làng X cấp cho ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G năm 1966. Năm 2004 ông bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận thửa 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 497m^2 đất ở + đất vườn. Đến năm 2005 tách thửa thành các thửa 44, 45, 68 tờ 11, trong đó ông, bà Nguyễn B - Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông, bà Hồ Văn C – Nguyễn Thị T3 thửa 45, tờ 11, diện tích 149m2, đến năm 2009 chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà Nguyễn Văn N - Võ Thị H1. Hai thửa còn lại là 44, 68 năm 2009 và năm 2016 ông Nguyễn Văn N được bố mẹ tặng cho.

Diện tích đất bị thu hồi:

- Năm 2004: Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba mẹ ông N với diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 497m^2. Đối với phần diện tích 162m^2 thì không được cấp với lí do phần diện tích này nằm trong chỉ giới quy hoạch.

+ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, diện tích 149m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn C, bà Nguyễn Thị T3; đến ngày 31/7/2009 ông C, bà T3 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông N, bà H1.

+ Thửa đất đất số 44, tờ bản đồ số 11, diện tích 178 m^2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP526542 ngày 20/7/2009 cho ông Nguyễn Văn N.

- Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m^2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 447189 ngày 7/6/2016 cho ông Nguyễn Văn N;

Qúa trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn N không có ý kiến gì đối với các cơ quan quản lý đất đai.

Quá trình thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H. Hạng mục:" Hệ thống thoát nước, lề đường Phạm Văn Đ, phường P, phường V, thành phố H (đợt 3) thì Ủy ban nhân dân thành phố H đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, theo Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 18/08/2023 thì diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn N bị thu hồi là 188,9 m^2 không thuộc các Giấy chứng nhận đã cấp.

Diện tích đất 188,9 m^2 ông N đang quản lý sử dụng nằm trong chỉ giới quy hoạch, thuộc lộ giới đường Phạm Văn Đồng; do đó không có căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn N có quyền sử dụng đất và đã sử dụng đất ổn định, lâu dài để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

ngày 15/5/2014; Điều 02 Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì phần diện tích đất nhà nước thu hồi của ông Nguyễn Văn N không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố H đã không áp giá bồi thường đối với quyền sử dụng đất của ông N bị thu hồi là đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1505/QĐ-CTUB ngày 15/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu) thấy rằng:

Do không được áp giá bồi thường khi nhà nước thu hồi đất nên ông Nguyễn Văn N đã thực hiện việc khiếu nại đến chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Ngày 15/3/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành quyết định số 1505/QĐ-CTUB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N.

Xét việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn N và việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H là đúng trình tự thủ tục, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đúng thẩm quyền về giải quyết khiếu nại nên quyết định giải quyết khiếu nại số 1505/QĐ-CTUB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H là đúng quy định.

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 1505/QĐ-CTUB Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Văn N

Ủy ban nhân dân thành phố H không áp giá bồi thường đối với việc thu hồi diện tích đất 188,9 m^2 đất của ông Nguyễn Văn N để thực hiện dự án Cải thiện môi trường nước thành phố H là có căn cứ, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 1505/QĐ-CTUB với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1505/QĐ-CTUB ngày 15/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu).

[3] Từ các nhận đình trên, xét thấy Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các yêu cầu khởi kiện, đánh giá nhận định hợp lý các nội dung của vụ án và quyết định bác yêu càu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2024/HC-ST ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000343 ngày 07/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Nguyễn Thị G được miến nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000344 ngày 07/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ III-TAND tối cao ;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long